

Bản án số: 239 /2017/DS-PT

Ngày: 27/12/2017

V/v: *Tranh chấp di sản thừa kế*
(quyền sử dụng đất)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Hoàng Thị Thu Lan

Các Thẩm phán : Bà Trần Thị Liên Anh

Ông Mai Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa :

Ông Đặng Văn Ngọc – Thư ký Tòa
án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội :

Bà Bùi Thị Hạnh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 27 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 174/2017/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2017 về việc *Tranh chấp di sản thừa kế (quyền sử dụng đất)*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện U, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 357/2017/QĐ-PT ngày 01/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; Quyết định hoãn phiên tòa số 279/2017/QĐ-HPT ngày 15 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Ánh K, Sinh năm 1974

Trú tại : Số nhà 130 L, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Ông Trịnh Văn T, Sinh năm 1948

Trú tại : Thôn M, xã Đ, huyện U, TP Hà Nội.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

1. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện U, TP Hà Nội

Trụ sở : Xã Đ, huyện U, TP Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Văn C – Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền : Ông Hoàng Chí H – Phó chủ tịch

2. Bà Trịnh Thị V, sinh năm 1960

Trú tại : Thôn N, xã M, huyện U, TP Hà Nội

3. Ông Trịnh Văn S2, sinh năm 1964

4. Ông Trịnh Thanh H, sinh năm 1965

5. Ông Trịnh Quang Đ, sinh năm 1969

6. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1950

Đều trú tại : Thôn M, xã Đ, huyện U, TP. Hà Nội

Người kháng cáo: Bà Vũ Thị Ánh K – Nguyên đơn

(Phiên tòa có mặt bà K, ông T. Các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện ngày 16/5/2017 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Vũ Thị Ánh K trình bày :

Năm 1991 bà kết hôn với ông Trịnh Thanh H, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông H đã khởi kiện xin ly hôn bà. Năm 2015 Tòa án nhân dân TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định đã xét xử sơ thẩm, năm 2016 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm đã quyết định cho ông bà được ly hôn, về tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về gia đình nhà chồng: Bố chồng là cụ Trịnh Hoài Đ chết ngày 29/9/1999 và mẹ chồng là cụ Trịnh Thị B chết ngày 04/12/2012, hai cụ sinh được sáu người con gồm ông Trịnh Văn T, ông Trịnh Văn S1 (liệt sỹ năm 1972, không có vợ con), bà Trịnh Thị V, ông Trịnh Văn S2, ông Trịnh Thanh H (chồng bà) và ông Trịnh Quang Đ. Thời gian bà còn chung sống với ông H, vào năm 1999 lúc đó bố chồng bà là cụ Trịnh Hoài Đ ốm nặng nên có lập bản di chúc phân chia tài sản là quyền sử dụng đất cho các con, theo đó vợ chồng bà và vợ chồng ông Trịnh Văn T mỗi bên được chia 1/2 thửa đất số 79, tờ bản đồ 06 diện tích 341m² đo đạc năm 2002 tại thôn M, xã Đ, huyện U, TP Hà Nội. Thửa đất có nguồn gốc do cụ Đ, cụ B mua đất giãn dân của Ủy ban nhân dân xã Đ, hiện nay thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và do ông T đang quản lý sử dụng .

Bản di chúc của cụ Trịnh Hoài Đ để lại do ông T giữ, bà chỉ giữ 01 quyền sở ghi những ngày giỗ của gia đình nhà chồng do bà Trịnh Thị V (con gái cụ Đ) viết , trong đó có nội dung : “*Trịnh Thanh H, Vũ Ánh K, con Trịnh Thanh H thừa hưởng 1/2 phần đất vườn chung với anh T....*” .

Bà Vũ Thị Ánh K khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế thửa đất số 79, tờ bản đồ 06 diện tích 341m² đo đạc năm 2002 tại thôn M, xã Đ, huyện U,

TP Hà Nội theo di chúc cụ Đ để lại, buộc ông Trịnh Văn T phải trả lại cho gia đình bà 136,35m² đất của thửa đất nêu trên.

Bị đơn là ông Trịnh Văn T trình bày :

Bố, mẹ ông là cụ Trịnh Hoài Đ chết ngày 29/9/1999 và cụ Trịnh Thị B chết ngày 04/12/2012, hai cụ sinh được sáu người con gồm ông Trịnh Văn T, ông Trịnh Văn S1 (liệt sỹ năm 1972, không có vợ con), bà Trịnh Thị V, ông Trịnh Văn S2, ông Trịnh Thanh H và ông Trịnh Quang Đ. Bà Vũ Thị Ánh K là vợ ông Trịnh Thanh H, hai vợ chồng đã ly hôn năm 2016.

Năm 1991 bố mẹ ông có mua của Ủy ban nhân dân xã Đ thửa đất giãn dân là mặt ao, sau đó gia đình ông đã đổ đất, xây dựng 01 nhà tạm như hiện nay để sử dụng, do ông là con trưởng trong gia đình nên các em trong nhà đều thống nhất để ông sử dụng thửa đất trên. Theo bản đồ đo đạc năm 2002 là thửa đất số 79, tờ bản đồ 06 diện tích 341m² tại thôn M, xã Đ, huyện U, TP Hà Nội đứng tên cụ Trịnh Hoài Đ, thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước khi bố mẹ ông chết không để lại di chúc phân chia đối với thửa đất này hay các tài sản khác cho các con, bà K cho rằng ông có giữ bản di chúc của bố ông là không đúng, bà K là con dâu nên không có quyền đòi chia tài sản của bố mẹ chồng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Đại diện Ủy ban nhân dân xã Đ do ông Hoàng Chí H, phó chủ tịch trình bày: Vào năm 1991 Ủy ban nhân dân xã Đ có bán đất giãn dân cho các hộ trong xã, trong đó hộ ông Trịnh Hoài Đ được mua thửa đất mà theo bản đồ địa chính năm 2002 là thửa đất số 79, tờ bản đồ 06 diện tích 341m² tại thôn M, xã Đ, huyện U, Hà Nội. Năm 2012 – 2013 đo đạc theo dự án Vlap thì thửa đất trên có số thửa 293, tờ bản đồ số 19, diện tích 408,9m² đứng tên ông Trịnh Văn T (con ông Đ). Việc bà Vũ Thị Ánh K có đơn đề nghị ông Trịnh Văn T phải chia thừa kế cho bà thửa đất trên, Ủy ban nhân dân xã đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, quan điểm của UBND xã đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

- Bà Trịnh Thị V, ông Trịnh Thanh S2, ông Trịnh Thanh H, ông Trịnh Quang Đ và Nguyễn Thị L nhất trí với trình bày của ông Trịnh Văn T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS - ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện U đã quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Ánh K đề nghị chia di sản thừa kế theo di chúc của cụ Trịnh Hoài Đ đối với diện tích 136,35m² đất là một phần của thửa đất số 79, tờ bản đồ 06 diện tích 341m² đo đạc năm 2002, tại thôn M, xã Đ, huyện U, TP Hà Nội đứng tên cụ Trịnh Văn Đ (Trịnh Hoài Đ).

Ông Trịnh Văn T tiếp tục được quản lý, sử dụng thửa đất nêu trên.

2. Về án phí: Bà Vũ Thị Ánh K phải chịu 31.270.000 đồng án phí Dân sự, được trừ vào số tiền 3.000.000đ tạm ứng án phí đó nộp theo Biên lai số 0008257 ngày 30/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U, chị Kiên còn phải nộp tiếp là 28.270.000đ (*Hai mươi tám triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/9/2017 nguyên đơn là bà Vũ Thị Ánh K đã kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo. Các đương sự không xuất trình thêm chứng cứ mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Đ, cụ B để lại theo di chúc cụ Đ nhưng không cung cấp được di chúc của cụ Đ, nguyên đơn chỉ cung cấp được quyền sở ghi chép lại lời nói của cụ Đ có nội dung cụ Đ chia cho vợ chồng nguyên đơn $\frac{1}{2}$ thửa đất hiện do bị đơn đang quản lý, sử dụng. Những người thừa kế của cụ Đ, cụ B đều không thừa nhận có quyền sở ghi chép do nguyên đơn xuất trình. Theo quy định tại khoản 5 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện khởi kiện, Tòa án phải quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xét xử vụ án và buộc nguyên đơn phải chịu 31.270.000 đồng án phí sơ thẩm là làm thiệt hại đến quyền lợi của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy Bản án sơ thẩm và Đình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự trong vụ án đến phiên tòa lần này là lần thứ hai, đại diện Ủy ban nhân dân xã Đ vắng mặt,

những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Thửa đất số 79 diện tích 341m², tờ bản đồ 06 tại thôn M, Xã Đ, huyện U, TP Hà Nội có nguồn gốc là của vợ chồng cụ Trịnh Hoài Đ và Trịnh Thị B mua đất giãn dân của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện U vào năm 1991. Thửa đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay do ông Trịnh Văn T (con trai trưởng của cụ Đ, cụ B) đang quản lý, sử dụng. Cụ B chết ngày 04/12/2012, cụ Đ chết ngày 29/9/1999. Hai cụ sinh được 06 người con là ông Trịnh Văn T, ông Trịnh Văn S1 (liệt sỹ năm 1972, không có vợ con), bà Trịnh Thị V, ông Trịnh Văn S2, ông Trịnh Thanh H và ông Trịnh Quang Đ. Bà Vũ Thị Ánh K là vợ ông Trịnh Thanh H, hai ông bà đã ly hôn năm 2016.

Bà Vũ Thị Ánh K khởi kiện yêu cầu ông Trịnh Văn T phải trả lại cho vợ chồng bà diện tích 136,35m² đất nằm trong diện tích 341m² đất thuộc thửa đất số 79, tờ bản đồ 06 tại thôn M, xã Đ, huyện U, TP Hà Nội theo di chúc cụ Đ. Bà K khai: Khi còn sống bố chồng bà là cụ Trịnh Hoài Đ đã di chúc cho vợ chồng bà 1/2 thửa đất trên. Di chúc do bà Trịnh Thị V (con gái) viết, ông Trịnh Văn T là người giữ bản di chúc. Bà K cung cấp quyển sổ ghi những ngày giỗ của gia đình nhà chồng, trong đó có nội dung : *“Trịnh Thanh H, Vũ Ánh K, con Trịnh Thanh H thừa hưởng phần đất vườn (1/2 định xuất) chung với anh T....”*

Các con của cụ Đ, cụ B là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ trong đó có ông Trịnh Thanh H (chồng bà K) đều khai trước khi chết các cụ không để lại di chúc phân chia đất cho ai và không thừa nhận có quyển sổ do bà K xuất trình.

Xét thấy, bà Vũ Thị Ánh K khởi kiện yêu cầu ông Trịnh Văn T phải trả lại cho vợ chồng bà phần di sản thừa kế của cụ Đ, cụ B để lại theo di chúc cụ Đ, nhưng bà K không xuất trình được di chúc của cụ Đ, không xuất trình được chứng cứ, tài liệu chứng minh cụ Đ có di chúc cho vợ chồng bà được hưởng một phần di sản thừa kế của các cụ. Bà K là con dâu nên không thuộc diện những người thừa kế theo pháp luật của cụ Đ, cụ B. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Thị Ánh K.

Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên ông Trịnh Văn T tiếp tục được quản lý, sử dụng thửa đất tranh chấp là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó sửa án sơ thẩm phần tuyên án.

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo giá ngạch là không đúng, nên sửa án sơ thẩm về án phí.

Từ nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện U, thành phố Hà Nội về án phí và phần tuyên án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

Điều 609, 624, 627 Bộ luật dân sự; Điều 24, điểm a khoản 7 Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị Ánh K.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS - ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện U, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Ánh K đối với ông Trịnh Văn T về việc tranh chấp di sản thừa kế.

2. Về án phí :

- Bà Vũ Thị Ánh K phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) theo Biên lai số 0008257 ngày 30/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, thành phố Hà Nội. Bà K được nhận lại số tiền là 2.700.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm nghìn đồng*).

- Hoàn trả bà Vũ Thị Ánh K tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0008375 ngày 15/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, thành phố Hà Nội.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- VKSND TP.Hà Nội;
- TAND huyện U;
- Chi cục THA dân sự huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hoàng Thị Thu Lan